

ĐỜI SỐNG DÂN GIAN VÀ BẢO TÀNG

PHẠM LAN HƯƠNG*

TÓM TẮT

Đời sống dân gian là một thuật ngữ chỉ “toàn thể cách sống của cộng đồng”. Đây cũng là lĩnh vực nghiên cứu rộng và hấp dẫn đối với nhiều bảo tàng. Bài viết đề cập đến khái niệm, mối quan hệ giữa đời sống dân gian và bảo tàng, việc diễn giải đời sống dân gian trong trưng bày bảo tàng.

Từ khóa: đời sống dân gian; bảo tàng; trưng bày.

ABSTRACT

Folk life is the terminology of “whole life of a community”. This is also an attractive research topic to many museums. The paper mentions the concept, the relation between folk life and museum, the interpretation of folk life in museum exhibition.

Key words: folk life; museum; exhibition.

1. Một số khái niệm

Đời sống dân gian (Folklife):

Đời sống dân gian là toàn thể cách sống của cộng đồng, “bao gồm những đồ vật nhân tạo, nghệ thuật, thủ công, kiến trúc tín ngưỡng, phong tục tập quán, phong cách ẩm thực, trang phục, truyện kể, vũ điệu và bài hát, cùng những biểu cảm văn hóa khác”¹.

Đời sống dân gian là một khái niệm với ý nghĩa rộng mở, đôi khi thay thế cho “văn hóa dân gian”. Thuật ngữ này được các học giả nghiên cứu văn hóa dân gian như Don Yoder, Warren Robert (Hoa Kỳ) sử dụng từ những năm 1950. Lý do sử dụng thuật ngữ “đời sống dân gian” là vì các học giả này muốn tiếp cận xa hơn văn hóa dân gian để tìm hiểu tất cả các khía cạnh của cuộc sống hàng ngày. Theo định nghĩa (năm 1976) của Trung tâm Đời sống dân gian Hoa Kỳ, đời sống dân gian đề cập đến:

+ Văn hóa truyền thống của các nhóm khác nhau, như gia đình, dân tộc, nghề nghiệp, tôn giáo, khu vực...

+ Ý nghĩa văn hóa của các hình thức sáng tạo và biểu tượng, như niềm tin, kỹ năng, ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, âm nhạc, trò chơi, múa, kịch, lễ nghi, thủ công mỹ nghệ...

Tại châu Âu, đặc biệt là Anh, Ireland và các quốc gia vùng Scandinavia, nghiên cứu “đời sống dân gian” được gọi là “dân tộc học châu Âu”, chủ yếu

được thực hiện bởi các bảo tàng dân gian. Tại Hoa Kỳ, thuật ngữ này phổ biến trong nghiên cứu các lễ hội đời sống dân gian (Folklife Festivals), với sự đầy đủ và đa dạng các văn hóa truyền thống, bao gồm âm nhạc, múa, kể chuyện, hàng thủ công, trang phục, chế biến thức ăn, nghi lễ vòng đời và kỹ năng nghề nghiệp. Đời sống dân gian cũng bao gồm việc nghiên cứu hệ thống niềm tin, tôn giáo dân gian, y học dân gian và tín ngưỡng dân gian.

Bảo tàng (Museum):

Bảo tàng là một thiết chế văn hóa, mặc dù nội hàm không rộng như khái niệm văn hóa, nhưng có rất nhiều định nghĩa khác nhau về bảo tàng. Trên thế giới, mỗi quốc gia đều có những định nghĩa riêng về bảo tàng.

Ở Việt Nam, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa* tại khoản 2 Điều 1 định nghĩa về bảo tàng như sau: “Bảo tàng là thiết chế văn hóa có chức năng sưu tầm, bảo quản, nghiên cứu, trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa, bằng chứng vật chất về thiên nhiên, con người, môi trường sống của con người, nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan và hưởng thụ văn hóa của công chúng”².

Theo thời gian, định nghĩa của bảo tàng đã có nhiều thay đổi, gắn với bối cảnh, sự nhận thức cũng như mối liên hệ ngày càng chặt chẽ giữa bảo tàng với xã hội.

2. Mối quan hệ giữa bảo tàng và đời sống dân gian

- Đời sống dân gian là một trong những đối

* Trường Đại học Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh

tượng nghiên cứu của bảo tàng. Nhà bảo tàng học Mỹ - John Cotton Dana cho rằng, việc bảo tàng nghiên cứu đời sống dân gian là hình thức góp phần tạo ra những điều thú vị của cuộc sống hàng ngày; là cách khơi dậy sự ngạc nhiên và sự tôn kính đối với đời sống dân gian, đối với cuộc sống³.

- Bảo tàng tiếp cận đời sống dân gian để lập kế hoạch trưng bày, giáo dục, xây dựng các chương trình dành cho công chúng và tổ chức các sự kiện đặc biệt. Bảo tàng là nơi diễn ra các cuộc gặp gỡ giữa các nền văn hóa, là nơi phổ biến thông tin với sự đối thoại đa ngành.

- Bảo tàng là địa chỉ để giới thiệu, lưu giữ và bảo tồn các đời sống dân gian. Tuy nhiên, việc bảo tồn các di sản của cộng đồng không thể chỉ từ một phía của bảo tàng, mà còn cần sự phối kết hợp giữa bảo tàng với các cộng đồng. Người dân trên đảo Nias, Indonesia có câu ngạn ngữ: "Không ai xây dựng cái nhà tốt bằng người sở hữu nó". Rõ ràng việc bảo tồn các giá trị của đời sống dân gian phải từ chính bản thân cộng đồng của di sản đó. Bảo tàng chỉ đóng vai trò hỗ trợ các cộng đồng trong công việc bảo tồn này.

- "Toàn thể cách sống của cộng đồng" - những tri thức bản địa là cơ sở, nền tảng tạo ra nguồn kinh phí cho cộng đồng, cho bảo tàng. Ví dụ cụ thể nhất là việc chào bán các sản phẩm độc đáo, đậm đà bản sắc trong cửa hàng lưu niệm của bảo tàng là bước thiết yếu để tạo thu nhập, nhưng quan trọng hơn là giúp cho khách tham quan tiếp cận được các sản phẩm truyền thống. Bảo tàng và các cộng đồng sản xuất những sản phẩm mang tính "xác thực" và chất lượng cao nhằm hỗ trợ tăng thêm thu nhập, đồng thời bảo tồn các kỹ năng truyền thống.

Ở hình thức khác, bảo tàng triển khai các chương trình đặc biệt để phục hồi các truyền thống, nghệ thuật, nghề thủ công và luật tục. Những thành viên trong cộng đồng được khuyến khích bảo tồn các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc mình, trong đó, bao gồm ẩm thực truyền thống, một yếu tố văn hóa có khả năng hỗ trợ phát triển du lịch, tạo nguồn thu cho cộng đồng và bảo tàng. "Các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa của bảo tàng cũng đang truyền cảm hứng cho các cộng đồng sử dụng tri thức địa phương trong đời sống thường nhật. Những tri thức này có thể được coi như nguồn lực để thúc đẩy nền kinh tế và tăng

cường sinh kế dựa trên chính nhu cầu của cộng đồng. Với nhận thức và niềm tự hào văn hóa sâu sắc hơn, người dân sẽ có thêm động cơ để sử dụng các sản phẩm được chế tác bởi những nghệ nhân địa phương"⁴. Nói một cách khác, bảo tàng với việc giới thiệu, diễn giải đời sống dân gian đã góp phần phát triển cộng đồng.

Như vậy, hiệu quả của mối quan hệ giữa bảo tàng và đời sống dân gian đều hướng đến lợi ích cộng đồng trên nhiều khía cạnh, như bảo tồn di sản văn hóa cho cộng đồng; xây dựng các hoạt động giáo dục, vui chơi, thưởng thức văn hóa cho cộng đồng; tạo nguồn kinh phí cho cộng đồng dựa trên chính các tri thức của họ. Nói khác đi, việc kết hợp đời sống dân gian và các hoạt động bảo tàng thực sự cần thiết và hữu ích đối với sự phát triển văn hóa, xã hội...

3. Đời sống dân gian và bảo tàng: Diễn giải và bản sắc văn hóa

Qua những vấn đề nói trên về đời sống dân gian và bảo tàng, để hoạt động bảo tàng thực sự hiệu quả trong việc diễn giải đời sống dân gian và bản sắc văn hóa địa phương, chúng tôi muốn đặt ra một số vấn đề:

- Bảo tàng tiếp cận đời sống dân gian như thế nào? Làm thế nào để cộng đồng nhận thức về vai trò, ý nghĩa của bảo tàng?

- Làm thế nào để diễn giải những ý tưởng và giá trị của đời sống dân gian ở bảo tàng?

- Tầm quan trọng của việc tìm hiểu bằng chứng về sự liên tục hay sự thay đổi theo thời gian của các truyền thống trong bối cảnh bảo tàng?

- Làm thế nào để bảo tàng tổ chức các trưng bày về vấn đề cộng đồng quan tâm chứ không phải dàn trải mọi mặt của đời sống dân gian?

Để góp phần làm rõ những vấn đề này, chúng tôi dựa trên lý thuyết nhân học diễn giải (interpretive anthropology) của Clifford Geertz (1926 - 2006) và quan niệm "Bảo tàng học mới" (new museology) của các nhà bảo tàng học Tây Âu và Mỹ.

Lý thuyết "Bảo tàng học mới" nhấn mạnh đến những khía cạnh xã hội của bảo tàng - Bảo tàng nên phục vụ xã hội và cho chính sự phát triển của họ như thế nào, nhìn nhận các bảo tàng như những đối tượng của sự thay đổi xã hội mang tính tích cực. Thêm vào đó, "Bảo tàng học mới" nhấn mạnh những mối liên hệ giữa các bảo tàng

và những cộng đồng của họ; khuyến khích các bảo tàng trở nên dễ tiếp cận và gần gũi hơn với những nhu cầu cũng như những mối quan tâm của một cộng đồng cụ thể. Hơn nữa, “Bảo tàng học mới” nhấn mạnh đến sự tham gia của cộng đồng trong các bảo tàng không chỉ với vai trò là những khách tham quan mà là những người tham gia bình đẳng trong hoạt động và phát triển của bảo tàng.

3.1. Mối quan hệ giữa bảo tàng với các cộng đồng

Sự liên kết bảo tàng và cộng đồng là mối quan hệ 2 chiều, tương tác, hỗ trợ lẫn nhau. Ở sự liên kết này, theo chiều hướng thứ nhất, các bảo tàng phát triển trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng. Hiện vật, các bộ sưu tập của bảo tàng được sưu tầm từ trong dân, từ cộng đồng; các trưng bày được thực hiện trên cơ sở cuộc sống của người dân, của cộng đồng. Các cộng đồng là chủ thể văn hóa, là nhân vật chính cho các chương trình trình diễn, giáo dục của bảo tàng. Ngược lại, ở chiều hướng thứ hai, cộng đồng phát triển dựa vào bảo tàng. Bảo tàng sưu tầm hiện vật, gìn giữ hiện vật và trưng bày các bộ sưu tập cho cộng đồng, giới thiệu những giá trị văn hóa của cộng đồng...

Bảo tàng và cộng đồng - mối quan hệ mật thiết, bình đẳng, không có ranh giới giữa chủ và khách là một trong những chủ đề quan trọng được thảo luận tại Phiên họp toàn thể của Hội Bảo tàng học quốc tế lần thứ XIX và Đại hội toàn thể Hội đồng Bảo tàng quốc tế khóa XX (1/7/2001, Tây Ban Nha).

Mối quan hệ giữa bảo tàng và cộng đồng là một trong những điểm mạnh của các bảo tàng sinh thái và xã hội ở châu Âu. Các cộng đồng với vai trò là chủ thể văn hóa đã hỗ trợ bảo tàng trong công tác sưu tầm hiện vật, xây dựng các chương trình dành cho khách tham quan. Ngược lại, bảo tàng là nơi bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các cộng đồng. Ở Pháp, nhiều dự án liên quan đến cộng đồng và sự phát triển của bảo tàng đã được thực hiện, đặc biệt, Hiệp hội các bảo tàng xã hội và sinh thái Pháp đã đóng vai trò không nhỏ trong việc điều phối các dự án này.

Thái Lan là quốc gia trong khu vực Đông Nam Á có những kinh nghiệm tốt về việc xây dựng mối quan hệ giữa bảo tàng và cộng đồng. Một trong những dự án gần đây do Trung tâm Nhân học của công chúa Maha Chakri Sirindhorn (thuộc Bộ Văn hóa Vương quốc Thái Lan) tài trợ là “Các bảo tàng địa phương - Dự án nghiên cứu và phát triển”. Theo



Trò Kéo co dân gian tổ chức tại Bảo tàng Dân tộc học - Nguồn: vietnamnet.vn

đó, các bảo tàng địa phương với điểm mạnh của mình là một trung tâm chuyển giao tri thức và di sản cho các thế hệ tiếp nối. Dự án đã xây dựng mạng lưới các bảo tàng địa phương nhằm chia sẻ kinh nghiệm cho những cán bộ bảo tàng trong việc kết nối bảo tàng và cộng đồng của họ.

Năm 2009, Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Du lịch Indonesia phát động “Chương trình sức sống mới của bảo tàng”, nhằm tạo nỗ lực nâng cao chất lượng bảo tàng trong việc phục vụ cộng đồng và đúng với chức năng để công chúng nhận thức được đó là “những nơi phải ghé thăm”. Chương trình này không chỉ nhận được sự chào đón nồng nhiệt của các nhà quản lý bảo tàng mà còn được người dân Indonesia ủng hộ tích cực⁵.

Ở Việt Nam, khái niệm bảo tàng và khái niệm cộng đồng không phải là vấn đề mới, nhưng đề cập đến bảo tàng và cộng đồng trong mối quan hệ mật thiết, bình đẳng thì lại là vấn đề còn rất mới. Mối liên hệ bảo tàng và cộng đồng “mới xoay quanh bốn vấn đề: Sở hữu bảo tàng, nghề nghiệp bảo tàng, hiện vật bảo tàng và công chúng bảo tàng”⁶.

Trong quá trình toàn cầu hóa, việc tiếp cận những lý thuyết “Bảo tàng học mới”, tham khảo các công trình nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm của các nước bạn phải chăng là một gợi mở cho hoạt động bảo tàng ở Việt Nam?

3.2. Đa dạng hóa các cách thức diễn giải trong trưng bày bảo tàng

Theo quan điểm của một số nhà bảo tàng học Tây Âu và Mỹ, diễn giải là một phần trong phương trình trưng bày/triển lãm bảo tàng. Cụ thể phương trình đó như sau:

Trình bày + Diễn giải = Truyền đạt⁷.

Như vậy, để có thể truyền tải các thông điệp về lịch sử, văn hóa, xã hội, khoa học và nghệ thuật đến khách tham quan, bên cạnh việc trình bày, giới thiệu các hiện vật, không thể thiếu được yếu tố diễn giải. Vậy, diễn giải trong bảo tàng là gì?

Thuật ngữ “diễn giải” trong bảo tàng học được hiểu, là đưa ra cách giải thích về một vấn đề, một hiện tượng, hoặc trình bày về các hiện vật dưới dạng một “ngôn ngữ” mà khách tham quan có thể hiểu được. Trong tiếng Anh, từ “diễn giải” (interpretation) có gốc Latin là *interpres*, có nghĩa là người thương lượng hay trung gian giữa hai bên. Tương tự, mục đích của bảo tàng là đóng vai trò trung gian

giữa những bộ sưu tập và công chúng⁸. Theo cách giải nghĩa của từ điển mở wikipedia (bản tiếng Anh), diễn giải di sản là truyền thông về bản chất và mục đích của các hiện tượng lịch sử, tự nhiên, văn hóa (Heritage interpretation, communication about the nature and purpose of historical, natural or cultural phenomena)⁹.

Peter Howard (người Anh) trong cuốn *Di sản: Quản lý, diễn giải và bản sắc* đã giải thích: Diễn giải bao gồm một vài phương tiện truyền tải di sản đến người dân, gồm cả diễn giải trực tiếp, sử dụng hướng dẫn viên, các phương tiện trung gian của con người cũng như việc sử dụng hiệu quả thiết kế trưng bày¹⁰.

ICOM (Hội đồng Quốc tế bảo tàng) đã phân tích chi tiết về “diễn giải” trong tài liệu *Hướng dẫn vận hành một bảo tàng*. Theo cách phân tích này, các hiện vật trong bảo tàng tự thân chúng không nói lên điều gì mà cần phải có sự trợ giúp, diễn giải. Diễn giải có được là nhờ những người phụ trách sưu tập (curator), các nhà giáo dục và thiết kế trưng bày cung cấp. Mục tiêu chung của bảo tàng là tạo ra một không gian độc đáo để trưng bày. Không gian đó không chỉ đẹp mà còn phải truyền tải các thông tin về lịch sử, khoa học độc đáo so với những thiết chế văn hóa khác, như trường học, thư viện, nhà hát, công viên... Trong bối cảnh triển lãm, diễn giải có nghĩa là một nhóm các hành động và yếu tố giúp cho việc giải thích bối cảnh của triển lãm. Những người phụ trách tiến hành các nghiên cứu cần thiết cho cuộc triển lãm và các nhà thiết kế có thể diễn giải và trình bày diễn giải về nhóm hiện vật kèm theo các kiến thức và thông tin mà họ biết cho một lượng khán giả lớn hơn. Cách thức để đạt được điều này là làm thế nào để các hiện vật thể hiện ý nghĩa hay trở nên đặc sắc trong mắt người xem là một phần trong việc truyền đạt thông tin và các kỹ thuật trong việc truyền đạt thông tin hiện đại, bao gồm ký hiệu học cũng như tâm lý học hiện nay đang được áp dụng như một phần của quá trình thiết kế. Chúng ta biết rằng, một hiện vật có thể có những ý nghĩa khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh mà nó được đặt trong đó, vào mối quan hệ với các hiện vật khác, vào vị trí trưng bày, màu sắc xung quanh và thậm chí vào cả các étiket được sử dụng¹¹.

Hiện nay, trên thế giới, mục tiêu bao trùm của công tác trưng bày bảo tàng là liên tục cải thiện các

phương pháp diễn giải nhằm nâng cao giá trị của bảo tàng và sự hài lòng của công chúng khi tham quan bảo tàng.

4. Tạm kết

Thực tế trưng bày cũng như các công trình nghiên cứu về trưng bày đã chỉ rõ lợi ích của phát triển bảo tàng để thỏa mãn nhu cầu giải trí địa phương và du lịch khu vực dựa trên bản sắc của đời sống dân gian. Bảo tàng không chỉ là nơi lưu giữ quá khứ, mà còn là địa chỉ nghiên cứu và nhìn nhận hiện tại, tương lai của văn hóa và con người của một địa phương hay một quốc gia, một khu vực. Vấn đề là các bảo tàng tổ chức, hoạt động và sáng tạo như thế nào để xây dựng các trưng bày thể hiện rõ nét bản sắc đời sống dân gian của cộng đồng. "Xét từ mọi góc độ, các yếu tố quan trọng nhất trong việc tạo nên bản sắc có vẻ không phải là người tạo tác hiện vật, cũng không phải là người xem, mà là bản thân người tiến hành trưng bày, những người có quyền năng làm trung gian giữa các bên không liên hệ trực tiếp với nhau"¹².

Bảo tàng ngày nay không những là nơi lưu giữ, truyền bá các giá trị văn hóa, lịch sử, đời sống dân gian, quan trọng hơn, bảo tàng là cầu nối công chúng với quá khứ và tương lai, là cầu nối giá trị lịch sử - văn hóa - khoa học giữa dân tộc này với dân tộc khác, cộng đồng này với cộng đồng khác. Thực tế đã chứng minh, đời sống vật chất của người dân ngày càng được nâng cao, nhu cầu thưởng thức văn hóa, giải trí của họ ngày một đa dạng. Công chúng muốn tìm kiếm những sản phẩm hàng hóa tinh thần thỏa mãn tính tò mò, khả năng hiểu biết... của họ. Đã và đang có xu hướng phát triển bảo tàng: Bảo tàng là nguồn tài nguyên của cộng đồng; công chúng không chỉ là khách tham quan mà còn là những người tham gia bình đẳng trong sự phát triển và hoạt động của bảo tàng. Nói cách khác, bảo tàng là đối tượng của sự thay đổi xã hội mang tính tích cực. Tương tác giữa bảo tàng và đời sống dân gian góp phần thúc đẩy công việc của từng lĩnh vực, là hình thức hệ thống hóa thông tin của quá khứ và hiện tại./.

Chú thích:

1- Viện Nghiên cứu Văn hóa, GS. Ngô Đức Thịnh - TS. Frank Proschan chủ biên (2005), *Folklore - Một số thuật ngữ đương đại*, Nxb. Khoa học xã hội, H, tr. 93.

2- *Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 2009, tr. 35.

3- Patricia Hall và Charlie Seemann (1987), *Folklife and Museums, Selected Readings*, The American Association for State and Local History, Nashville, Tennessee, tr. 27.

4- UNESCO (2010), *Phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng trong phát triển Bảo tàng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương vì văn hóa và sự phát triển bền vững*, Paris, tr. 38.

5- Vietnam ANMA 4 (2013), *Kỷ yếu Hội nghị ANMA 4*, H, tr.180.

6- Lê Thị Minh Lý (2006), "Bảo tàng Việt Nam: Thực trạng và những giải pháp chính nhằm kiện toàn hệ thống bảo tàng trong phạm vi cả nước", *Luận án tiến sĩ Văn hóa học*, H, tr. 46.

7- Gary Edson - David Dean (2001), *Cẩm nang bảo tàng*, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam dịch và xuất bản, H, tr. 29.

8- Nhiều tác giả (2009), *Xây dựng ý tưởng và phát triển trưng bày bảo tàng*, Tài liệu khóa tập huấn Mùa hè Nghiên cứu và thực hành bảo tàng (Trung tâm Nghiên cứu, Hỗ trợ và phát triển Văn hóa A&C, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam tổ chức), H, tr. 98.

9- <http://en.wikipedia.org/wiki/Interpretation>,

10- Peter Horward (2003), *Heritage: Management, Interpretation, Identity*; Continuum, London - New York, tr. 286.

11- ICOM (2004), *Vận hành một bảo tàng*, Sách hướng dẫn thực hành, Bản dịch của Cục Di sản Văn hóa, H, tr. 23.

12- Ivan Karp (1996), "Văn hóa và sự thể hiện", trong *Trung bày bảo tàng*, Smithsonian Institution Press, Hoa Kỳ.

Tài liệu tham khảo:

1- Cục Di sản Văn hóa (2012), *Tự giới thiệu văn hóa - Kinh nghiệm từ chương trình Mê công: Dòng sông kết nối các nền văn hóa tại lễ hội đời sống dân gian Smithsonian 2007*, H.

2- Khóa Mùa hè Nghiên cứu và thực hành Bảo tàng (2009), *Xây dựng ý tưởng và phát triển trưng bày*, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Trung tâm nghiên cứu, hỗ trợ và phát triển văn hoá A&C, H.

3- Mark O'Neill (2007), *Các bảo tàng và những cộng đồng của chúng*, Khóa Mùa hè Nghiên cứu và thực hành bảo tàng, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, H.

4- Patricia Hall và Charlie Seemann (1987), *Folklife and Museums, Selected Readings*, The American Association for State and Local History, Nashville, Tennessee.

5- UNESCO (2010), *Phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng trong quá trình phát triển bảo tàng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương đối với văn hóa và sự phát triển bền vững*, UNESCO, Paris.

6- Viện Nghiên cứu Văn hóa, GS. Ngô Đức Thịnh - TS. Frank Proschan chủ biên (2005), *Folklore - Một số thuật ngữ đương đại*, Nxb. Khoa học Xã hội, H.

D.L.H